

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Hữu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Bà Nguyễn Thị Đầu.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 23/02/2021 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 11/02/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*2. Bị đơn:* Phùng Tấn L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện ủy quyền của ông L:* Đoàn Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thị N, sinh năm 1949;

Nguyễn Cù S, sinh năm 1978;

Nguyễn Thị B, sinh năm 1980;

Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

*Đại diện ủy quyền của N, S, T:* Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1949;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Huỳnh Phúc G, sinh năm 2008;

*Đại diện theo pháp luật của Phúc Gia:* Nguyễn Cù S, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Phùng Thị B, sinh năm 1959;

Phùng Thị V, sinh năm 1957;  
Đinh Thị Kim Y, sinh năm 1972;  
Võ Thị Minh Ng, sinh năm 1975;  
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Phùng Tấn Đ, sinh năm 1998;  
Địa chỉ: Ấp 2, xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trần Văn L, sinh năm 1970;  
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

(Ông Đ, ông Th: Có mặt tại phiên tòa; Anh S, bà B, bà V, chị Y, chị Ng, anh Đ:  
Có văn bản xin vắng mặt; Anh L, chị B vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:* Năm 2001, ông Đ có nhận chuyển nhượng của ông Phùng Tấn L diện tích đất 501m<sup>2</sup> và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00232/A8, thửa đất số 2244, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/5/2001, cho hộ ông Nguyễn Văn Đ;

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông L, trong năm 2001, ông Đ có thuê xe chở đất đổ lên toàn bộ diện tích phần đất mà ông Đ đã nhận chuyển nhượng từ ông L chiều cao cách mặt ruộng khoảng 0,7m, hướng Đông giáp ruộng ông L, hướng Nam giáp bờ đê của ông L, hướng Tây – hướng Bắc giáp đường đi công cộng;

Năm 2013, ông Đ có đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục Vilap nhưng khi đo đạc thì không có mời ông Đ chỉ từ cận của thửa đất;

Năm 2014, ông Đ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của ông Đ thành thửa 560, diện tích 455,8m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 80, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02188, ngày 17/4/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ;

Khi ông Đ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014, ông Đ thấy diện tích giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 nhưng ông Đ không có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P về việc diện tích đất bị giảm;

Khoảng năm 2008, ông L phá bỏ bờ đê phía Nam, bờ đê thuộc quyền sở hữu của ông L;

Trong quá trình canh tác nông nghiệp thì ông L đã làm cỏ lấn chiếm phần đất của ông Đ ở phía Nam và phía Đông diện tích lấn chiếm là 45,2m<sup>2</sup>;

Như vậy phần đất phía Đông, ông L lấn chiếm của ông Đ có chiều ngang 2,25m, chiều dài 29,5m, diện tích lấn chiếm 69,375m<sup>2</sup>; phần đất phía Nam, ông L lấn chiếm có chiều ngang 2,85m, chiều dài 17,25m, diện tích 49,162m<sup>2</sup>. Do đó ông Đ yêu cầu ông L trả lại phần đất bị lấn chiếm 118,537m<sup>2</sup>.

*Đại diện bị đơn Phùng Tấn L trình bày:* Nguồn gốc đất của ông L đang

quản lý, sử dụng là của ông bà để lại cho ông Phùng Tấn L (cha ông L). Năm 2005, ông L mất nên để lại cho mẹ ông là bà Trần Thị N. Năm 2007, bà Nói đại diện hộ gia đình đứng tên phân chia quyền sử dụng đất cho các anh chị em. Riêng phần đất của ông L được phân chia thì giáp ranh với phần đất của ông Nguyễn Văn Đ mà trước đây ông L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ vào năm 2001.

Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02590, thuộc thửa 2663, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 3.018m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 08/01/2008 cho ông Phùng Tấn L;

Khi ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2008 thì có đo đạc lại, còn phần đất giáp ranh với ông Nguyễn Văn Đ thì hai bên có ký giáp ranh theo biên thăm tra đo đạc xác định ranh giới và diện tích ngày 02/12/2007;

Năm 2017, ông L cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04955, thuộc thửa 585, tờ bản đồ số 80 diện tích 3.017,4m<sup>2</sup>, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/7/2017 cho ông Phùng Tấn L;

Diện tích đất của ông L được bà Nói tặng cho là 3.018m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, ông L sử dụng cho đến năm 2017, ông L được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chiều ngang giáp Hương Lộ 1 là phần ranh đất giáp với đất ông Đ, ông L còn thiếu 2,39m.

Ông Đ yêu cầu trả lại diện tích 45,2m<sup>2</sup> đất, ông L không đồng ý.

Tại buổi hòa giải ngày 12/4/2021, ông Đ có yêu cầu ông L trả diện tích 118,537m<sup>2</sup>, ông L không đồng ý vì diện tích yêu cầu lớn hơn diện tích đất năm 2001 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Phần đất phía Đông, ông L lấn chiếm của ông Đ có chiều ngang 2,25m, chiều dài 29,5m, diện tích lấn chiếm 69,375m<sup>2</sup>; phần đất phía Nam, ông L lấn chiếm có chiều ngang 2,85m, chiều dài 17,25m, diện tích 49,162m<sup>2</sup>, ông L phải trả lại phần đất bị lấn chiếm 45,2m<sup>2</sup>.

Đại diện ủy quyền của ông L không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân Sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Các đương sự có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc ông Phùng Tấn L có nghĩa vụ trả lại phần đất bị lấn chiếm 45,2m<sup>2</sup>, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc phần diện tích đất đang tranh chấp:

Về nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Đ: Năm 2001, ông Nguyễn Văn Đ có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phùng Tấn L (cha ruột ông L) diện tích đất 501m<sup>2</sup> và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00232/A8, thửa đất số 2244, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 03/5/2001, cho hộ ông Nguyễn Văn Đ;

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông L, ông Đ thuê xe chở đất đổ lên toàn bộ diện tích phần đất mà ông Đ đã nhận chuyển nhượng có chiều cao cách mặt ruộng khoảng 0,7m, có tứ cận như sau: Hướng Đông – Nam giáp ruộng ông L; Hướng Tây - Nam giáp ruộng của ông L; Hướng Tây – Bắc giáp đất ông Truyện Văn Th; Hướng Đông – Bắc giáp đường tỉnh 873B;

Năm 2013, ông Đ có đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục Vilap nhưng khi đo đạc thì không có mời ông Đ xác định tứ cận của thửa đất;

Năm 2014, ông Đ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của ông Đ thành thửa 560, diện tích 455,8m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 80, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02188, ngày 17/4/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ;

Khi ông Đ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014, ông Đ thấy diện tích giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 nhưng ông Đ không có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P về việc diện tích đất bị giảm;

Trong quá trình canh tác nông nghiệp thì ông L đã làm cỏ lấn chiếm phần đất của ông Đ ở hướng Tây - Nam và phía Đông – Nam diện tích lấn chiếm là 45,2m<sup>2</sup>. Ông Đ yêu cầu ông L trả lại phần đất bị lấn chiếm 45,2m<sup>2</sup>.

Về nguồn gốc đất của ông Phùng Tấn L: Ông L đang quản lý, sử dụng là của ông bà để lại cho ông Phùng Tấn L (cha ông L). Năm 2005, ông L mất nên để lại cho mẹ ông là bà Trần Thị N. Năm 2007, bà Nói đại diện hộ gia đình đứng tên phân chia quyền sử dụng đất cho các anh chị em. Riêng phần đất của ông L

được phân chia thì giáp ranh với phần đất của ông Nguyễn Văn Đ mà trước đây ông L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ vào năm 2001;

Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02590, thuộc thửa 2663, tờ bản đồ số TPC1, diện tích 3.018m<sup>2</sup>, tại xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 08/01/2008 cho ông Phùng Tấn L;

Khi ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/01/2008 thì có đo đạc lại, còn phần đất giáp ranh với ông Nguyễn Văn Đ thì hai bên có ký giáp ranh theo biên thăm tra đo đạc xác định ranh giới và diện tích ngày 02/12/2007;

Năm 2017, ông L cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04955, thuộc thửa 585, tờ bản đồ số 80 diện tích 3.017,4m<sup>2</sup>, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15/7/2017 cho ông Phùng Tấn L;

Diện tích đất của ông L được bà Nói tặng cho là 3.018m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, ông L sử dụng cho đến năm 2017, ông L được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chiều ngang giáp Hương Lộ 1 là phần ranh đất giáp với đất ông Đ, ông L còn thiếu 2,39m.

Ông Đ yêu cầu trả lại diện tích 45,2m<sup>2</sup> đất, ông L không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hiện trạng thửa đất, các bên xác định ranh đất khi tiến hành đo đạc, xem xét thăm định tại chỗ phần đất tranh chấp như sau:

Hướng Tây - Nam giáp ruộng ông Phùng Tấn L: Cạnh này có chiều dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ là 16,93m so với bản đồ địa chính khu đất ngày 05/4/2001, người vẽ là Nguyễn Hoàng Quốc V xác định cạnh này có chiều dài 17,25m, cạnh này đã giảm 0,32m;

Hướng Đông – Bắc giáp tỉnh lộ 873B: Cạnh này có chiều dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ là 15,31m giảm so với bản đồ địa chính khu đất ngày 05/4/2001, người vẽ là Nguyễn Hoàng Quốc V xác định cạnh này có chiều dài 17,25m, cạnh này đã giảm 1,94m;

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2001 giữa ông Phùng Tấn L và ông Nguyễn Văn Đ có diện tích là 501m<sup>2</sup> và được cán bộ địa chính là ông Nguyễn Hoàng Quốc V đo đạc theo bản đồ địa chính khu đất ngày 02/4/2001 thì hai cạnh này bằng nhau đều có chiều dài là 17,25m.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ ngày 03/5/2001 thì chỉ thể hiện số liệu về diện tích đất 501m<sup>2</sup>, không thể hiện bản vẽ và tứ cận của thửa đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 17/4/2014 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ diện tích 455,8m<sup>2</sup>, thể hiện tứ cận thửa đất. Khi cấp đổi giấy thì ông Đ cũng không khiếu nại về việc diện tích đất bị giảm;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Phùng Tấn L ngày 08/01/2008 cho ông Phùng Tấn L diện tích 3.018m<sup>2</sup>, thể hiện tứ cận thửa đất và

được cấp đổi vào ngày 15/8/2017, diện tích 3.017,4m<sup>2</sup>, thể hiện tứ cận thửa đất; Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Phùng Tấn L trong đó có biên bản thẩm tra, đo đạc xác định ranh giới, diện tích ngày 02/12/2007, hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Đ, ông Đ không thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông Đ và được giám định;

Kết luận số 983/GĐ-KTHS(Đ2) ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang xác định chữ ký Đ không đủ cơ sở kết luận và chữ viết Nguyễn Văn Đ, không phải do cùng một người viết ra;

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/3/2001 giữa ông L và ông Đ thì chữ ký của ông Đ cũng không giống biên bản ngày 02/12/2007;

Do đó có căn cứ xác định khi ông Phùng Tấn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu khi xác định tứ cận thửa đất giáp với phần đất ông Đ thì ông Đ không có ký giáp ranh.

Hướng Tây - Bắc giáp đất ông Truyện Văn Th: Cạnh này có chiều dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ là 28,20m so với bản đồ địa chính khu đất ngày 05/4/2001, người vẽ là Nguyễn Hoàng Quốc V xác định cạnh này có chiều dài 29m, cạnh này đã giảm 0,8m;

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không có con đường công cộng mà giáp với đất ông Truyện Văn Th và ông Th xây dựng hàng rào từ năm 2015;

Hướng Đông - Nam giáp ruộng của ông Phùng Tấn L: Cạnh này có chiều dài theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ là 28,53m, so với bản đồ địa chính khu đất ngày 05/4/2001, người vẽ là Nguyễn Hoàng Quốc V xác định cạnh này có chiều dài 29,5m, cạnh này đã giảm 0,97m;

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và được cán bộ địa phương cung cấp thì từ năm 2002 đến hiện tại con đường tỉnh lộ 873B được mở rộng hai lần và được người dân tự hiến đất để mở rộng đường tỉnh lộ 873B;

Do đó hai cạnh hướng Tây – Bắc và hướng Đông – Nam giảm là do mở rộng đường tỉnh lộ 873B.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định cạnh hướng Tây – Nam, ông Phùng Tấn L có lấn chiếm 0,32m; Cạnh hướng Đông – Bắc, ông L có lấn chiếm 1,92m có diện tích là 32,1m<sup>2</sup>. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, cần buộc ông Phùng Tấn L có nghĩa vụ trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm là 32,1m<sup>2</sup>.

[3] Chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét phần chi phí Tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phùng Tấn L yêu cầu xem xét chi phí tố tụng, do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ nên chi phí tố tụng của bị đơn phải chịu theo quy định;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phùng Tấn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 166, 688 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 95, Điều 100, Điều 203, Điều 210 Luật đất đai;

Căn cứ các điều 92, 147, 157, 165, 169, 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Phùng Tấn L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất 32,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 585, tờ bản đồ số 80, tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận như sau:

Hướng Đông – Bắc giáp đường tỉnh lộ 873B có chiều dài là 1,94m;

Hướng Tây – Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Đ có chiều dài là 28,53m;

Hướng Tây – Nam giáp đất ông Phùng Tấn L có chiều dài là 0,32m;

Hướng Đông – Nam giáp đất ông Phùng Tấn L có chiều dài là 28,42m; (có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Phùng Tấn L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí: Ông Phùng Tấn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 46054 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu

xét xử phúc thẩm. Đối với những đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 07/9/2022, có mặt ông Đ, ông Th.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**\*. Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Trương Vĩnh Hữu**